TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị L với anh D"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.
2. Ông Trần Châu Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm: 1983, địa chỉ: Tổ NDTQ số 01, ấp TH, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1978, địa chỉ: Tổ NDTQ số 01, ấp TH, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện tự nguyện tiến tới hôn nhân, năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện CL, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sinh sống tại ấp TH, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Thời gian gần đây, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp và anh D thường xuyên nhậu về chửi mắng, xúc phạm chị. Chị đã cho anh D nhiều cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi tính tình. Từ tháng 01/2019 cho đến nay, chị và anh D

không còn sống chung với nhau, trong thời gian đó anh chị có hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mà mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh D.

Trong thời gian chung sống, chị và anh D có hai con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Phạm Văn Thanh S, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2009. Đến nay, cháu L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu anh D nuôi dưỡng cháu S, chị không cấp dưỡng cho con nhưng sẽ lo cho con theo khả năng của mình.

Chị và anh D không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến, biên bản hòa giải bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị L về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị cũng có mâu thuẫn và cãi nhau nhưng không trầm trọng. Do còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh muốn chị L cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Anh và chị L có hai con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Phạm Văn Thanh S, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2009. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Anh và chị L không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Ngô Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Phạm Văn D có địa chỉ tại ấp TH, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện CL, tỉnh Trà Vinh vào năm 2003 nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh D được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng chị và anh D mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, anh D thường xuyên nhậu về có những lời lẽ xúc phạm chị nên anh chị hay cãi nhau, chị và anh D đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Anh D cho rằng giữa anh chị có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, anh muốn chị L cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị vẫn cương quyết xin ly hôn với anh D. Trong thời gian anh chị không sống chung, anh D không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm, để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh D không thể hàn gắn được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L để giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có hai con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Phạm Văn Thanh S, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2009. Do nay cháu L đã thành niên nên chị L không yêu cầu giải quyết; chị L yêu cầu anh D nuôi cháu S và anh D cũng đồng ý, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo nguyện vọng của cháu S muốn được sống với anh D, đồng thời chị L và anh D đã thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của cháu S được ổn định nên giao cháu S cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng cho con do anh D không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh D khai anh chị không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L. Chị Ngô Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn D.

Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn D có hai con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2002 và Phạm Văn Thanh S, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2009. Đối với con chung Phạm Thị Thúy L đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh Phạm Văn D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Thanh S.

Ghi nhận anh Phạm Văn D không yêu cầu chị Ngô Thị L cấp dưỡng cho con.

Chị Ngô Thị L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn D trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008063 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Ngô Thị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện CL, tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.